

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-PT

Ngày 10-11-2022

V/v: "Chia tài sản chung".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Thẩm phán:**

Ông Vũ Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái:** Ông Vũ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về "Chia tài sản chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Tiền Ph, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn ĐK 2, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức D và ông Hoàng Trọng H – Luật sư Văn phòng luật sư HĐ thuộc đoàn luật sư tỉnh Yên Bái (ông D, ông H đều có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (có chi nhánh huyện YB, Bắc Yên Bái); đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến S - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện YB, Bắc Yên Bái; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**4. Những người làm chứng:**

- + Bà Hoàng Thị Th1, sinh năm 1967  
Địa chỉ: Thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.
- + Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1973  
Địa chỉ: Thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- + Ông Phạm Quang V, sinh năm 1954  
Địa chỉ: Thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Anh T1 (H1), sinh năm 1973  
Địa chỉ: Thôn ĐK 1, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.
- + Ông Trần Văn H2, sinh năm 1967  
Địa chỉ: Tổ 13, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- + Ông Tạ Duy Ng, sinh năm 1976  
Địa chỉ: Thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- + Bà Hoàng Thị Lan H3, sinh năm 1979  
Địa chỉ: Thôn TT, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1967  
Địa chỉ: Thôn MH, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- + Ông Lê Văn L, sinh năm 1965  
Địa chỉ: Thôn ĐK 2, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.
- + Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950  
Địa chỉ: Thôn MH, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Mạnh T2, sinh năm 1980  
Địa chỉ: Thôn TL, xã HĐ, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Tiên Ph là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị M là bị đơn.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Tiên Ph trình bày:*

Ông Lê Tiên Ph và bà Nguyễn Thị M chung sống với nhau như vợ chồng tại Trang trại trên hồ TB từ năm 1999-2011. Năm 2007, ông Ph có nhờ bà Hoàng Thị Th1 là công nhân của Công ty chè VH, huyện YB, tỉnh Yên Bái đứng tên mua hộ hai gian nhà xây cấp 4 với mục đích để ở, với giá 5.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này là tiền riêng của ông Ph. Ông Ph và bà M trực tiếp đến nhà bà Th1 trả số tiền trên, khi đó bà M là người đưa tiền cho bà Th1, với sự có mặt của ông Ph.

Sau khi mua được nhà, năm 2008 ông Ph đã tu sửa lại nhà và ở cùng với bà M. Trong năm đó, ông Ph cùng với bà M đến nhà bà Th1 đề nghị làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất. Ông Ph và bà M đã thống nhất chuyển nhượng sang tên bà M vì lý do ông Ph và bà M không có đăng ký kết hôn nên sổ đỏ chỉ được đứng tên một người.

Đến năm 2011, ông Ph bán đôi rừng của gia đình ở hồ TB được hơn 3 tỉ đồng, ông Ph dùng một phần tiền này vào việc phá bỏ nhà cũ đã mua trước đây

để xây lại ngôi nhà mới khang trang hơn, ông Ph làm hợp đồng với anh Nguyễn Anh T1 là chủ cai xây dựng ở thôn ĐK 1, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái làm dự toán, thiết kế và xây nhà, nhà xây hết số tiền 300.000.000 đồng, tiền xây nhà hoàn toàn là tiền của ông Ph đưa cho bà M để thanh toán, bà M không có tiền đóng góp vào việc xây ngôi nhà này.

Sau khi xây nhà xong, ngày 25/5/2013 bà M đã sinh con chung với ông Ph tên cháu là Lê Đình A. Bà M không phải làm gì chỉ ở nhà chăm sóc hai con nhỏ, còn kinh tế gia đình một mình ông Ph lo.

Năm 2017, cháu Lê Đình A khôn lớn, bà M xin đi làm công nhân Công ty may tại xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái sau đó chuyển đến làm công nhân Nhà máy ép ván, nhưng lương công nhân thấp, ông Ph vẫn phải bươn chải lo chu cấp tiền ăn, tiền điện cho cả gia đình và tiền học hành của con.

Đến năm 2019, khi có dự án đầu tư vào hồ TB, biết khu nhà, đất của ông Ph và bà M cùng các con đang ở thuộc quy hoạch của dự án và sẽ được bồi thường một khoản tiền khá nhiều nên bà M đã nghe một số người cũng như lợi dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chỉ đứng tên một mình bà M với ý đồ chiếm đoạt toàn bộ tài sản của ông Ph nên bà M lợi dụng mâu thuẫn đã đuổi ông Ph ra khỏi nhà.

Nay ông Ph khởi kiện yêu cầu Toà án chia tài sản chung của ông Ph và bà M là đất và ngôi nhà cấp 4, đổ mái bằng, khung cứng chịu lực, tường 220 tại Thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Ông Ph đề nghị Toà án chia tài sản theo công sức đóng góp của mỗi bên vào khối tài sản chung. Giá trị nhà, đất ban đầu ông Ph xác định tại đơn khởi kiện là 800.000.000 đồng nhưng nay ông Ph nhất trí theo giá mà bà M đưa ra là 500.000.000 đồng. Ông Ph có nguyện vọng sẽ giao toàn bộ nhà, đất cho bà M quản lý, sử dụng và bà M phải thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản cho ông Ph là 330.000.000 đồng.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Cuối năm 1999 đầu năm 2000, bà M làm thuê cho trang trại của ông Lê Tiên Ph tại hồ TB, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Thời gian làm thuê cho ông Ph thì giữa bà M và ông Ph có nảy sinh tình cảm. Trong quá trình làm thuê, ông Ph đã thanh toán đầy đủ tiền cho bà M. Thời điểm năm 2000, việc thanh toán tiền công cho mọi người là do bà M đứng ra nhận tiền công từ ông Ph, trong đó có cả tiền công của bà M. Khi làm thuê cho ông Ph thì ông Ph nuôi bà M ăn uống, còn lại các loại tiền sinh hoạt phí khác do bà M tự chi trả.

Khoảng cuối năm 2007 đầu năm 2008, bà M có nhờ ông Ph đi hỏi mua 02 gian nhà tập thể thanh lý của bà Hoàng Thị Th1 (là công nhân của công ty chè VH) tại thôn ĐV cũ (hiện nay là thôn HN), xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái với số tiền 5.000.000 đồng, bà M là người trực tiếp trả tiền cho bà Th1, nguồn gốc số tiền này do bà M đi làm thuê và tích cóp được. Sau đó, bà Th1 có làm giấy tờ chuyển nhượng nhà, đất cho bà M.

Đến năm 2012, bà M phá bỏ 02 gian nhà tập thể để xây nhà cấp 4, đổ mái bằng, khung cứng chịu lực. Tiền để xây nhà là tiền do bà M làm thuê tích góp được và tiền bán đất do bố mẹ bà M cho (đất ở xã HĐ, huyện YB, tỉnh Yên Bái). Tổng số tiền xây nhà là 250.000.000 đồng. Trong đó, có 150.000.000 đồng là tiền bố mẹ để bà M cho bán đất (bà M bán đất cho em trai là Nguyễn Mạnh T2, giấy tờ vẫn mang tên bố mẹ để bà M và không có tài liệu gì về việc bố mẹ cho bán đất và giấy tờ mua bán với em trai); 90.000.000 đồng bà M vay của bà Lê Thị Đ, còn lại là tiền tích góp của bà M trước đó.

Đến tháng 4 năm 2012, bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 70,0m<sup>2</sup> đất ở và 95,6m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác.

Bà M xác định thời gian từ năm 2000, khi bà M và ông Ph nảy sinh tình cảm với nhau thì bà M và ông Ph chỉ qua lại với nhau chứ chưa chung sống với nhau như vợ chồng, quá trình qua lại với nhau đã có 01 con chung là Lê Đình A, sinh năm 2013. Đến khoảng năm 2016, ông Ph vào nhà bà M ở hẳn và đưa đón con chung Lê Đình A đi học để cho bà M đi làm công nhân tại Công ty may Ds. Khi ông Ph ở cùng bà M tại thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái thì tiền ăn uống, sinh hoạt do bà M bỏ ra. Tiền công bà M đi làm thuê cho nhà máy may thì mang về chi tiêu ăn uống sinh hoạt trong gia đình và nuôi con. Thời điểm bà M sinh cháu A phải nghỉ việc, ông Ph có đưa cho bà M khoảng 3-4 triệu đồng để mua sắm quần áo cho con, còn tiền ăn uống sinh hoạt của hai mẹ con vẫn là tiền của bà M do đi làm trước đó tích góp được. Ngoài ra, ông Ph không chu cấp tiền gì khác để nuôi con. Khi ở chung, ông Ph thỉnh thoảng có mua đồ ăn về cả nhà cùng ăn, không đưa tiền cho bà M.

Bà M chỉ thừa nhận là người làm thuê cho ông Ph, đứng ra chăm công, nhận tiền từ ông Ph để thanh toán cho mọi người (trong đó có cả bà), việc bà M làm nhà là do bà M trực tiếp thanh toán tiền công; bà M không thừa nhận: Việc bà Th1 xác nhận bà M và ông Ph thống nhất sang tên nhà đất cho mình bà M, ông Ph đưa tiền cho bà M quản lý chi tiêu từ việc bán chè và hàng lâm sản, việc ông Ph xây 02 căn nhà sau khi đã bán rừng như lời khai của người làm chứng (Hoàng Thị Th1, Lê Văn L, Nguyễn Văn Th2, Trần Văn H2).

Đến nay, bà M xác định nhà, đất mang tên Nguyễn Thị M là tài sản riêng của bà M. Ông Ph khởi kiện chia tài sản này vì ông Ph xác định đây là tài sản chung giữa bà M và ông Ph thì bà M không nhất trí. Về giá trị nhà, đất hiện tại bà M xác định có giá là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà M đang tín chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện YB Bắc Yên Bái vì bà M có vay tiền tại Ngân hàng. Bà M xác định đây là khoản vay riêng của bà M không liên quan gì đến ông Ph.

*Tại bản tự khai đề ngày 11 tháng 7 năm 2022, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện YB, Bắc Yên Bái xác định:*

Ngày 07/4/2021, bà Nguyễn Thị M có ký Hợp đồng tín dụng số 8705-LAV-202100931 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện YB Bắc Yên Bái; số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hình thức tín chấp (Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 010xxx diện tích đất 95,6m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 010xxx diện tích đất 70,0m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn do Ủy ban nhân dân huyện YB cấp ngày 06/4/2012 mang tên Nguyễn Thị M.

Ngân hàng xác định khoản tiền này là khoản vay riêng của bà M, trường hợp bà M không trả nợ đúng hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bà M trong một vụ án khác.

*Những người làm chứng:*

*Ông Phạm Quang V xác định:* Ông V là hàng xóm với bà Nguyễn Thị M. Ông V có xác nhận về việc ông Lê Tiên Ph và bà Nguyễn Thị M có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến năm 2021 tại nhà, đất ở thôn HN (thôn ĐV cũ), xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

*Bà Hoàng Thị Th1 xác định:* Bà Th1 là hàng xóm của bà Nguyễn Thị M và có quen biết ông Lê Tiên Ph từ năm 1990 do bà có làm thuê cho trang trại của ông Ph tại hồ TB. Bà Th1 xác nhận ông Ph có nhờ bà Th1 đứng ra mua hộ 02 gian nhà và đất tập thể của Công ty chè VH thanh lý cho công nhân của Công ty tại thôn ĐV cũ (nay là thôn HN), xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái, với số tiền là 5.000.000 đồng. Bà M là người trực tiếp đưa tiền cho bà Th1 và có cả ông Ph có mặt khi giao tiền. Khi làm thủ tục chuyển nhượng thì ông Ph bà M đã thống nhất đứng tên bà M.

*Ông Nguyễn Anh T1 xác định:* Ông T1 là hàng xóm của ông Lê Tiên Ph. Năm 2012, ông T1 có nhận làm cho ông Ph một căn nhà 01 tầng mái bằng khoảng 120m<sup>2</sup> tại thôn ĐV cũ (nay là thôn HN), xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Việc làm nhà giữa ông T1 và ông Ph có hợp đồng đầy đủ, ông Ph trực tiếp đứng ra giao dịch với ông T1 để xây nhà. Mỗi lần ứng tiền công xây nhà ông T1 đều thông qua ông Ph và được ông Ph đồng ý. Trong quá trình làm việc ông T1 có giao lại cho anh Ng (ông không nhớ họ tên đầy đủ) là người trực tiếp làm và ứng tiền công trong lúc ông T1 vắng mặt. Theo ông T1 được biết các lần ứng tiền công xây nhà thì ông Ph đều bảo bà M đưa cho anh Ng, có ký nhận giữa hai bên đầy đủ về mỗi lần ứng tiền.

*Ông Hoàng Văn T xác định:* Ông T là hàng xóm với bà Nguyễn Thị M. Năm 2008, ông Lê Tiên Ph có liên hệ với ông T để sửa chữa cho ông Ph 02 gian nhà cũ thuộc thôn ĐV cũ (nay là thôn HN) xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Tiền công do ông Ph hay bà M thanh toán thì ông không nhớ, vì thời gian đã quá lâu.

*Ông Tạ Duy Ng xác định:* Năm 2012, ông Ng là thợ xây làm thuê cho anh Nguyễn Anh T1 có xây ngôi nhà cho ông Ph và bà M tại thôn ĐV (nay là thôn

HN), xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Ông T1 có giao cho ông Ng làm tổ trưởng tổ xây dựng, khi cần ứng tiền công trước thì ông Ng có gọi điện cho ông T1 ứng tiền để chi trả. Ông Ng đã nhận tiền tạm ứng công xây dựng từ bà M. Bà M trực tiếp đưa tiền cho ông Ng, còn ông T1 quyết toán tiền công với ông Ph, bà M như thế nào thì ông Ng không nắm được.

*Ông Trần Văn H2 xác định:* Ông H2 có quen biết ông Lê Tiên Ph qua công việc trồng rừng ngoài hồ TB. Năm 2011, gia đình ông H2 có mua của ông Ph các diện tích đất rừng. Lần 1: Năm 2011, mua diện tích hơn 30 ha đất rừng thuộc đảo hồ TB với số tiền 3.600.000.000 đồng (ba tỷ sáu trăm triệu đồng); lần 2: Năm 2015, mua diện tích 3,5 ha với số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Số tiền mua đất rừng này ông H2 là người trực tiếp thanh toán cho ông Ph. Còn việc ông Ph dùng số tiền này mục đích để làm gì thì ông H2 không nắm được, nhưng ông H2 biết sau khi bán đất rừng trên hồ thì ông Ph có xây 02 ngôi nhà.

*Bà Hoàng Thị Lan H3 xác định:* Bà H3 làm thuê cho ông Ph từ năm 2000, công việc là làm đò (trồng cây, phát cỏ, hái chè...) trên trang trại ở hồ TB. Tiền công ông Ph trả theo công nhật, khoảng mấy chục nghìn/1 công (bà H3 không nhớ cụ thể vì thời gian đã quá lâu). Bà M là người chăm công và trực tiếp trả tiền cho bà H3. Theo bà H3 được biết thì giữa bà M và ông Ph có quan hệ tình cảm nên bà M đứng ra quản lý cho ông Ph.

*Ông Lê Văn L xác định:* Ông L là anh em họ với ông Lê Tiên Ph. Do gia đình ông L làm đại lý thu mua chè, sắn; gia đình ông Ph có nông sản bán nên gia đình ông L đã thu mua chè, sắn của ông Ph. Do thời gian quá lâu ông L không nhớ ngày tháng và số tiền đã thu mua chè, sắn của ông Ph là bao nhiêu.

*Ông Nguyễn Văn Th2 xác định:* Ông Th2 là người cùng xã với ông Lê Tiên Ph. Do ông Th2 làm nghề buôn bán lâm sản nên đã thu mua nứa trên đò của ông Ph. Thời gian thu mua từ năm 2000-2001, số tiền thu mua cụ thể ông Th2 không nhớ được là bao nhiêu. Ông Th2 cũng không biết ông Ph dùng số tiền bán đò nứa để làm gì.

*Anh Nguyễn Mạnh T2 xác định:* Ông T2 là em trai của bà Nguyễn Thị M. Năm 2010, ông T2 có mua của bà M một diện tích đất ở và đất đồi cây của bố mẹ đẻ (ông T2 không nắm được cụ thể diện tích là bao nhiêu) với giá 150.000.000 đồng (không có giấy tờ), diện tích đất này sổ đỏ vẫn mang tên bà Nguyễn Thị M1 (mẹ đẻ ông T2) chưa sang tên cho ai. Hiện nay ông T2 đã làm nhà trên đất mua của bà M. Số tiền mua đất của bà M, ông Tuyên trả dần và đến năm 2012 thì ông T2 mới trả hết để bà M làm nhà.

*Bà Lê Thị Đ xác định:* Bà Đ và bà M có quen biết nhau do cùng đi làm thuê cho nhà ông Ph ở trang trại ngoài hồ TB. Khoảng năm 2003-2004, trên trang trại có người bị trộm vàng, ông Ph cũng biết sự việc này. Năm 2006, bà M có mang số tiền 50.000.000 đồng gửi bà Đ, lý do bà M gửi tiền là do bà M tin tưởng bà Đ (vì bà M sợ ngoài trang trại có cướp). Năm 2012, bà M xây nhà đã

lấy lại số tiền 50.000.000 đồng, sau đó bà M vay thêm bà Đ 90.000.000 đồng. Bà M đã trả cho bà Đ số tiền vay vào năm 2014.

\* Theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng các diện tích đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái cung cấp thể hiện như sau:

- Diện tích đất thổ cư: Thửa đất số 01, tờ trích đo số 03 cũ (nay là thửa số 61, tờ Bản đồ địa chính số 14), diện tích đất đo được thực tế là 70,0m<sup>2</sup> (đúng với diện tích đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Diện tích đất trồng cây lâu năm: Thửa đất số 02, tờ trích đo số 03 cũ (nay là thửa số 55, tờ Bản đồ địa chính số 14) diện tích đất đo được thực tế là 145,7m<sup>2</sup> (tăng thêm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp là 50,1m<sup>2</sup>). Diện tích đất tăng thêm này Ủy ban nhân dân xã TH xác định vẫn nằm trong diện tích đất nhận chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị Th1 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tăng thêm này thuộc diện được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Hiện tại không có tranh chấp với ai.

Trên các diện tích đất này có 01 nhà xây, một tầng, khung bê tông cốt thép mái bằng, tường 220.

Về giá trị nhà, đất các đương sự đều thống nhất có giá trị là 500.000.000 đồng và không yêu cầu định giá tài sản.

\* Tại bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng các diện tích đất và sở hữu tài sản trên đất tại Thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái, có tổng giá trị 500.000.000 đồng, gồm:

+ 70,0m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 01, tờ đo trích số 03 cũ (nay là thửa số 61, tờ Bản đồ địa chính số 14 đo vẽ năm 2021). Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất BHK cùng chủ đo được 7,57m; phía Đông giáp đất của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái đo được 9,19m; phía Nam giáp đường bê tông đo được 7,31m; phía Tây giáp đất bà Hoàng Thị Th1 đo được 9,86m. Tài sản trên đất có một nhà xây 01 tầng, khung bê tông cốt thép, mái bằng, tường 220.

+ 145,7m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 02, tờ trích đo số 03 cũ (nay là thửa số 55, tờ Bản đồ địa chính số 14 đo vẽ năm 2021). Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp hồ TB đo được 8,92m; phía Đông giáp đất của Trung tâm phát

triển quỹ đất tỉnh Yên Bái đo được là 18,24m; phía Nam giáp đất ONT cùng chủ đo được 7,57m; phía Tây giáp đất bà Hoàng Thị Th1 đo được 17,19m.

(Có sơ đồ kèm theo).

2. Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Tiền Ph số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Ngày 23/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện YB. Bà M xác định nhà đất là tài sản riêng của bà M nên không đồng ý chia cho ông Ph 150.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã quyết định.

Ngày 29/9/2022, nguyên đơn ông Lê Tiền Ph có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phân chia lại tài sản của ông Ph và bà M, với quyền sở hữu của ông Ph 50% giá trị tài sản, số tiền mỗi bên được hưởng là 250.000.000 đồng.

\* Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Tiền Ph và bị đơn bà Nguyễn Thị M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn (ông Lê Tiền Ph) và của bị đơn (bà Nguyễn Thị M). Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**



Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà; ý kiến của Kiểm sát viên;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và ông Lê Tiền Ph trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện YB là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm nhưng cấp phúc thẩm đã đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng là phù hợp khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ lời thừa nhận của ông Lê Tiền Ph, bà Nguyễn Thị M và những người làm chứng, Giấy khai sinh của cháu Lê Đình A, sinh ngày 06/6/2013 do Ủy ban nhân dân xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái ghi bà M là mẹ đẻ, ông Ph là cha đẻ, đủ căn cứ xác định ông Ph và Mây đã chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn). Căn cứ yêu cầu của ông Ph khởi kiện chia tài sản chung với bà M, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Chia tài sản chung” theo khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật có liên quan, do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M cho rằng nhà, đất là tài sản riêng của bà M, không đồng ý chia cho ông Ph: Mặc dù bà M là người trực tiếp trả tiền nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị Th1 nhưng mọi giao dịch với bà Th1 đều do ông Ph trực tiếp trao đổi và quyết định, quyền sử dụng đất được ông Ph giao dịch với bà Th1 từ năm 2007, là thời kỳ ông Ph, bà M có tình cảm nam, nữ với nhau, bà M làm việc cho ông Ph, trực tiếp quản lý tiền của ông Ph, thay mặt ông Ph trả tiền lương cho công nhân, việc để bà M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có sự thỏa thuận, nhất trí của ông Ph, có sự chứng kiến của bà Th1. Căn cứ lời khai của những người làm chứng Nguyễn Anh T1, Hoàng Văn T, Tạ Duy Ng cho thấy việc xây nhà là do ông Ph chủ trì, ông Ph là người hợp đồng xây dựng với ông T1, trực tiếp làm việc với ông Ng,

ông T về việc xây nhà. Việc ứng tiền công thợ xây, ông T1 đều thông qua ông Ph đồng ý, bà M trả tiền cho thợ theo ý của ông Ph. Khi bà M sinh cháu Lê Đình A, ông Ph đã cùng chung sống với bà M trong ngôi nhà này, cùng chăm sóc cháu A và trông nom nhà cửa khi bà M đi làm công nhân nhà máy may, công nhân nhà máy ép ván. Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc tạo lập quyền sử dụng đất, việc xây nhà để cùng chung sống và trông nom nhà cửa là có công sức của ông Ph. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà, đất là tài sản chung của ông Ph, bà M là có cơ sở, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M cho rằng nhà đất là tài sản riêng của bà M.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Lê Tiên Ph về việc yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản chung: Về công sức, ông Lê Tiên Ph chỉ chứng minh được công sức trong việc tìm kiếm, tính toán, giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây nhà, trông nom nhà cửa khi bà M đi làm; *về điều kiện, hoàn cảnh*: Việc chia tài sản chung với bà M không ảnh hưởng đến cuộc sống của ông Ph, bởi năm 2011, 2015, ông Ph đã có khoản tiền lớn do chuyển nhượng đất rừng thuộc đảo hồ TB cho ông Trần Văn H2 và có nhà, đất, chỗ ở ổn định ở nơi khác; còn đối với bà M, về công sức, là người trực tiếp trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiền làm nhà; về điều kiện, hoàn cảnh thì hiện nay bà M đang một mình trực tiếp nuôi cháu Lê Đình A chưa thành niên, việc chia nhà đất với ông Ph làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bà M và cháu A vì ngoài nhà, đất hiện đang ở thì bà M và cháu A không còn chỗ ở nào khác, theo Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình khi giải quyết quan hệ tài sản giữa nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì phải *đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông Ph 30% giá trị tài sản, chia cho bà M 70% giá trị tài sản; về hiện vật giao nhà và quyền sử dụng đất cho bà M sử dụng, bà M thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho ông Ph 30% giá trị tài sản (150.000.000 đồng) là đã xem xét đầy đủ *công sức, điều kiện, hoàn cảnh* của các bên, đã rất thỏa đáng với ông Ph, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của ông Ph về yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tiên Ph và của bà Nguyễn Thị M; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Tiên Ph và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tiền Ph và bà Nguyễn Thị M; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái như sau:

- Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng các diện tích đất và sở hữu tài sản trên đất tại Thôn HN, xã TH, huyện YB, tỉnh Yên Bái, có tổng giá trị 500.000.000 đồng, gồm:

+ 70,0m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 01, tờ đo trích số 03 cũ (nay là thửa số 61, tờ Bản đồ địa chính số 14 đo vẽ năm 2021). Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất BHK cùng chủ đo được 7,57m; phía Đông giáp đất của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái đo được 9,19m; phía Nam giáp đường bê tông đo được 7,31m; phía Tây giáp đất bà Hoàng Thị Th1 đo được 9,86m.

Tài sản trên đất có một nhà xây 01 tầng, khung bê tông cốt thép, mái bằng, tường 220.

+ 145,7m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 02, tờ trích đo số 03 cũ (nay là thửa số 55, tờ Bản đồ địa chính số 14 đo vẽ năm 2021). Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp hồ TB đo được 8,92m; phía Đông giáp đất của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái đo được là 18,24m; phía Nam giáp đất ONT cùng chủ đo được 7,57m; phía Tây giáp đất bà Hoàng Thị Th1 đo được 17,19m.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Tiền Ph số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Tiền Ph phải nộp 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001703 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện YB. Ông Lê Tiền Ph được trả lại số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị M phải nộp 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà M chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Lê Tiền Ph phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Ph đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0002883 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YB, tỉnh Yên Bái (xác nhận ông Ph đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

+ Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà M đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0002870 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YB, tỉnh Yên Bái (xác nhận bà M đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện YB;
- Chi cục THADS huyện YB;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của ND;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Vân**